

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tím

Ông Kim Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 57/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Kim Ngọc H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 1998 do mai mối nên bà và ông Kim Ngọc H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, đến sau này mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên cha mẹ ruột tại ấp T, xã Đ, huyện T, vợ chồng chung sống hạnh phúc, luôn

quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, ông H1 không tôn trọng bà, không lo làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con, có tính ghen tuông vô cớ, thường nhậu nhẹt say xỉn về kiếm chuyện, chửi bới bà rất thậm tệ, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà, bà vì thương con muốn giữ vững hạnh phúc gia đình nên cố gắng chịu đựng mong ông H1 có sự thay đổi nhưng không có kết quả, vợ chồng vẫn không tìm được tiền nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Kim Ngọc H1. Về con chung có 02 người con chung tên Kim Ngọc G, sinh ngày 15/8/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Kim Ngọc Minh A, sinh ngày 04/10/2005, tùy theo nguyện vọng của con, con theo ai thì người đó nuôi bên còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tại đơn khởi kiện bà trình bày không có tài sản chung nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà xác định là không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Về nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Kim Ngọc H1 đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 12/01/2022 và ngày 25/01/2022 nhưng bị đơn ông Kim Ngọc H1 vắng mặt, không lý do.

Ý kiến của cháu Kim Ngọc Minh A, sinh ngày 04/10/2005: Việc cha mẹ ly hôn thì không có ý kiến, nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng tôi muốn ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ông Kim C là công an viên ấp T, xã Đ, huyện T ngày 28/12/2021 cho biết: Do ở gần nên thường xuyên nghe lớn tiếng, cự cãi, rượt đánh nhau, bà H có báo ấp, báo xã để can thiệp nhưng do ông H1 là đối tượng có tiền án mới chấp hành về thường xuyên gây rối gây rối tại địa phương nên chính quyền chưa can thiệp được, không chịu nghe địa phương giáo dục, hiện tại bà H và ông H1 mỗi người ở một nhà riêng nên khả năng đoàn tụ là rất khó.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Kim Ngọc H1 là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Kim Ngọc H1 chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị H và ông Kim Ngọc H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Kim Ngọc H1 là hợp pháp. Sau

kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi ông H1 chấp hành án về thì từ năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông H1 thường hay ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà Nguyễn Thị H cương quyết ly hôn, do hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở chấp nhận. Về con chung tên Kim Ngọc G, sinh ngày 15/8/1998 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và sống tự lập nên không xem xét giải quyết và Kim Ngọc Minh A, sinh ngày 04/10/2005 giao cho bà Nguyễn Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà H không yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung bà H trình bày không có và không yêu cầu nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp cho bị đơn các văn bản tố tụng từ khi thụ lý, tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ và hòa giải, xét xử theo Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Bà Nguyễn Thị H và ông Kim Ngọc H1 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của bà H và ông H1 là hợp pháp. Sau kết hôn, bà H và ông H1 chung sống có hai người con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải, động viên, thuyết phục để tạo điều kiện cho bà H và ông H1 hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình nhưng không đạt kết quả do bà H cương quyết ly hôn vì trước đây bà đã từng làm đơn khởi kiện xin ly hôn, sau đó bà rút lại đơn mong ông H1 có sự thay đổi nhưng ông H1 không thay đổi, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/12/2021 ông H1 có đến Tòa án, tuy nhiên khi Tòa án bắt đầu làm việc liên quan đến vụ án thì ông H1 không hợp tác và tự ý bỏ về, điều này thể hiện sự không thiện chí của ông H1 trong việc hòa giải đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ly thân từ năm 2019 đến nay có tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả, chứng tỏ đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông H1.

[3] Về con chung: tên Kim Ngọc G, sinh ngày 15/8/1998 đã trưởng thành, sống tự lập và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết và Kim Ngọc Minh A, sinh ngày 04/10/2005 hiện đang sống với bà H. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Minh A có nguyện vọng sống chung bên mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kim Ngọc Minh A cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Minh A). Bà H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không tranh chấp và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 177, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Kim Ngọc H1.

Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Kim Ngọc H1.

2. Về con chung: tên Kim Ngọc G, sinh ngày 15/8/1998 đã trưởng thành, sống tự lập và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Kim Ngọc Minh A, sinh ngày 04/10/2005, cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh A.

Về cấp dưỡng bà H không có yêu cầu nên không giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người

trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006059 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú. Bị đơn ông Kim Ngọc H1 không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Kim Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Phúc